

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/7/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Anh Ph.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng S và bà Y C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã YaLy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc A, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/2/2023 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Qua một thời gian tìm hiểu chị và anh Phạm Ngọc A tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh A thường xuyên xúc phạm, đả đập chị A, anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, bản thân chị đã khuyên ngăn và tha thứ nhưng anh A không thay đổi lối sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai người ấy sống. Nay chị **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh **A** được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Bá **Thiên Ph**, sinh ngày 28/9/2016. Hiện nay, con chung đang ở với anh **A**, cuộc sống của cháu Phúc đã ổn định, được bố và ông bà nội chăm sóc đầy đủ nên khi ly hôn có nguyện vọng giao con chung cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn anh Phạm Ngọc A*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng anh **A** đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật. Do đó không có ý kiến trình bày của anh **A** trong hồ sơ vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định, việc cấp, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ. Thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Ngọc **A**.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh **T**.

Về con chung: Giao cho anh **A** nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập được.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh **T** vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Chị Nguyễn Thị Thanh **T** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với anh Phạm Ngọc **A** có nơi cư trú tại **Thôn S, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc **A**, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng anh **A** vắng mặt không lý do. Như vậy anh **A** đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Ngọc **A**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh **T** và anh Phạm Ngọc **A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum vào ngày 21/3/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn là do: Bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh **A** thường xuyên xúc phạm, đả đập chị, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, bản thân chị đã khuyên ngăn và tha thứ nhưng anh **A** không thay đổi lối sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, mối quan hệ vợ chồng đã hoàn toàn chấm dứt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Ngọc **A** không đến Tòa án làm việc, điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị **T**. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 13/6/2023 đại diện chính quyền địa phương xác nhận: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh **A** chị **T** thường xuyên xảy ra mâu

thuần, vợ chồng anh **A**, chị **T** sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị **T** xác định không còn tình cảm với anh **A** nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **T** là có căn cứ. Cần áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **T**, xử cho chị **T** được ly hôn anh **A**.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Bá **Thiên Ph**, sinh ngày 28/9/2016, do mâu thuẫn vợ chồng, chị **T** bỏ đi từ tháng 8/2019 khi cháu Phúc chưa đủ 36 tháng tuổi, để lại cháu Phúc cho anh **A** nuôi dưỡng giáo dục. Hiện tại, cháu Phúc đang ở với anh **A** và đã quen với điều kiện, môi trường sống, được anh **A** nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt. Vì vậy; khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng giao cho anh Phạm Ngọc **A** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Bá **Thiên Ph** là phù hợp nên HĐXX chấp nhận với nguyện vọng của chị **T**.

Chị **T** không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, còn anh Phạm Ngọc **A** trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh **A** đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ giấy tờ gì chứng minh về yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét về quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh **T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh **T** được ly hôn anh Phạm Ngọc **A**.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Bá **Thiên Ph**, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Phạm Ngọc **A** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, có

khả năng lao động, tự lập được. Chị Nguyễn Thị Thanh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Thanh **T** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh **T** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số: 0004168, ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Thanh **T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15(*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/7/2023) nguyên đơn có quyền gửi đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND xã Sa Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Anh Ph